



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016*  
*đã được kiểm toán*

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT**  
**NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: (84 8) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84 8) 3910 4880  
CN Hà Nội: P12.8 Tòa nhà M5, 91 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội. Tel: (84-4) 3244.40.44 / Fax: (84-4) 3244.40.45

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**

***BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG***

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016*

*đã được kiểm toán*

## MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	7 – 41
Bảng cân đối kế toán	7 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	13 – 41



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300296337 ngày 14 tháng 02 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là **1.100.000.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 bao gồm:

- Sản xuất các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp đến 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sản xuất các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sản xuất bán thành phẩm máy biến áp: Xé băng, cắt chéo lõi tôn silic, vỏ tải nhiệt máy biến áp phân phối dạng cánh sóng và vỏ máy biến áp truyền tải đến 220KV;
- Sản xuất tủ điện, bảng điện trung, hạ thế có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại trạm biến áp trọn bộ kiểu kiot có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại dây đồng tròn trần và tráng sơn cách điện kỹ thuật điện đường kính từ 0,1 đến 8 và 12,5 (mm);
- Sản xuất các loại dây nhôm kỹ thuật điện đường kính từ 1 đến 9,5 mm;
- Dây và cáp nhôm trần, đồng trần, dây nhôm trần lõi thép có tiết diện đến 1200mm<sup>2</sup>, điện áp đến 500KV;
- Sản xuất cáp điện ngầm trung, hạ thế lõi đồng/nhôm điện áp đến 35KV, cáp ngầm siêu cao áp đến 220KV bọc PVC/XLPE (gồm cả vặn xoắn, bọc thép, chống thấm);
- Sản xuất dây điện dân dụng, cáp điều khiển, cáp thông tin;
- Sản xuất các loại cáp điện chống cháy nổ, chống nhiễm mặn, chống thấm, các thiết bị điện phục vụ cho ngành đóng tàu và khai thác khoáng sản;
- Sản xuất dây đồng dẹt dạng trần và tráng sơn cách điện, bọc giấy, đồng thanh cái, đồng ống, đầu cốt (các sản phẩm bằng đồng);
- Đúc các linh kiện đồng, nhôm dùng cho nhà máy biến áp, dây cáp điện, công tắc cầu dao, cầu chì, máy ngắt, tủ bảng điện;
- Sản xuất các cầu dao, máy cắt, cầu chì;
- Sản xuất các phụ tùng, phụ kiện đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 500KV;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, phụ kiện phục vụ cho sản xuất thiết bị điện và các ngành công nghiệp, điện lực, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Xây lắp các đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 330KV;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp tới 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV; công suất từ 25MVA đến 450MVA;



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

- Sửa chữa, bảo hành máy móc thiết bị, linh kiện trong các lĩnh vực điện, công nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Kinh doanh, đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh bao bì, đồ hộp cho ngành ăn uống, bia rượu;
- Kinh doanh các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, sắc đẹp, tầm quất, xông hơi, xoa bóp, đấm lưng, vật lý trị liệu;
- Cho thuê bãi đỗ xe.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 41).

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Mẫn Ngọc Anh	Chủ tịch
Ông Mẫn Hồng Cần	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Quế	Ủy viên
Ông Đỗ Văn Cương	Ủy viên
Ông Tạ Xuân Kiên	Ủy viên
Ông Trần Vĩnh Hưng	Ủy viên

### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Mẫn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Ông Mẫn Hồng Cần	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Xuân Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Kim Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lục Xít	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Đình Tinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Cương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thanh Huyền	Phụ trách kế toán

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 6 năm 2016

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



Mẫn Ngọc Anh



Số: 03./2016/BCKT-AASCN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka, được lập ngày 15 tháng 6 năm 2016, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



*Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 12 tháng 8 năm 2015. Tuy nhiên, kiểm toán viên nêu vấn đề cần nhấn mạnh đối với một số khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán nhưng Ban Tổng Giám đốc đánh giá các khoản phải thu này có khả năng thu hồi do đó không trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt  
Giám đốc



Bùi Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2016

Kiểm toán viên

Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.638.825.331.188</b>	<b>1.025.164.048.090</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>39.766.716.170</b>	<b>4.416.437.752</b>
1.	Tiền	111	V.01	39.766.716.170	4.416.437.752
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.179.929.141.861</b>	<b>709.029.006.436</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	800.377.638.364	454.947.813.442
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		259.512.444.152	45.732.934.968
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	119.405.844.113	207.719.112.894
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		633.215.232	629.145.132
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.05</b>	<b>403.599.152.355</b>	<b>300.485.385.727</b>
1.	Hàng tồn kho	141		403.599.152.355	300.485.385.727
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.530.320.802</b>	<b>11.233.218.175</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	681.321.168	621.454.862
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.671.237.898	10.611.763.313
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	177.761.736	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
 Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.288.187.003.624</b>	<b>1.262.141.689.124</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>60.060.000.000</b>	<b>60.060.000.000</b>
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	60.060.000.000	60.060.000.000
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>52.030.612.133</b>	<b>52.843.588.416</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	50.987.455.291	51.771.340.514
	- Nguyên giá	222		118.686.735.776	112.352.641.117
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(67.699.280.485)	(60.581.300.603)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	1.043.156.842	1.072.247.902
	- Nguyên giá	228		1.463.337.543	1.463.337.543
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(420.180.701)	(391.089.641)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.09</b>	<b>25.351.225.465</b>	<b>25.448.656.789</b>
	- Nguyên giá	231		26.171.565.545	26.171.565.545
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(820.340.080)	(722.908.756)
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>298.491.244.547</b>	<b>308.374.350.565</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.06	298.491.244.547	308.374.350.565
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>847.184.602.369</b>	<b>807.704.593.747</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		802.120.026.266	765.544.773.644
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		400.000.000	400.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		44.664.576.103	41.759.820.103
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.069.319.110</b>	<b>7.710.499.607</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	5.069.319.110	7.710.499.607
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.927.012.334.812</b>	<b>2.287.305.737.214</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
 Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND


STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.632.322.157.784</b>	<b>1.037.742.387.335</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.399.170.611.025</b>	<b>692.218.679.812</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	403.034.845.540	233.571.214.649
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.521.653.119	2.876.166.600
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	7.473.529	6.289.457.232
4.	Phải trả người lao động	314		2.450.111.117	1.621.454.000
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	3.256.241.960	1.327.224.423
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	21.656.843.151	60.882.853.237
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	966.243.442.609	385.650.309.671
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>233.151.546.759</b>	<b>345.523.707.523</b>
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	34.312.309.161	34.312.309.161
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16	-	513.780.001
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.15	6.040.000.000	6.040.000.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	192.799.237.598	304.657.618.361
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.294.690.177.028</b>	<b>1.249.563.349.879</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>1.294.690.177.028</b>	<b>1.249.563.349.879</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		194.690.177.028	149.563.349.879
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		149.614.367.058	104.315.218.867
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		45.075.809.970	45.248.131.012
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.927.012.334.812</b>	<b>2.287.305.737.214</b>

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Huyền

Phụ trách kế toán



Trần Thị Thanh Huyền

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 6 năm 2016

Tổng Giám đốc



  
 Mẫn Ngọc Anh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/3/2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	2.868.462.223.295	1.677.864.390.670
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	44.349.539
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.868.462.223.295	1.677.820.041.131
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	2.745.476.599.352	1.572.379.044.090
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		122.985.623.943	105.440.997.041
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	53.887.677.268	52.027.778.839
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	77.163.573.484	62.101.456.434
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		64.103.771.474	58.041.127.471
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	10.692.050.477	8.523.802.583
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	43.037.846.857	36.946.572.815
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		45.979.830.393	49.896.944.048
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	279.593.856	716.118.320
12.	Chi phí khác	32	VI.06	969.582.527	4.117.433.419
13.	Lợi nhuận khác	40		(689.988.671)	(3.401.315.099)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		45.289.841.722	46.495.628.949
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	214.031.752	1.247.497.937
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		45.075.809.970	45.248.131.012
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		Không áp dụng	Không áp dụng
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		Không áp dụng	Không áp dụng

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Huyền

Phụ trách kế toán

Trần Thị Thanh Huyền

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 6 năm 2016

Tổng Giám đốc



Mẫn Ngọc Anh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/3/2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		45.289.841.722	46.495.628.949
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		7.244.502.266	7.075.422.731
-	Các khoản dự phòng	03		-	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		996.247.998	1.197.575.625
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(51.280.331.388)	(47.494.318.353)
-	Chi phí lãi vay	06		64.103.771.474	58.041.127.471
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		66.354.032.072	65.315.436.423
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(475.137.371.746)	246.999.399.469
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(103.113.766.628)	(123.802.114.071)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		164.841.320.506	381.353.613.373
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.581.314.191	3.229.890.530
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(63.909.078.838)	(57.917.533.788)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.461.529.689)	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(4.338.166.000)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(409.845.080.132)	510.840.525.936
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(33.026.241.263)	(16.245.462.827)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	708.400.000
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	9.508.049.931
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		51.280.331.388	43.795.367.422
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		18.254.090.125	37.766.354.526



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	197.780.812.628
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		1.386.192.180.084	170.545.289.416
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(919.850.127.909)	(977.633.375.195)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(39.400.783.750)	(353.847.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>426.941.268.425</b>	<b>(609.661.120.151)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>35.350.278.418</b>	<b>(61.054.239.689)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>4.416.437.752</b>	<b>65.471.147.083</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(469.642)
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>39.766.716.170</b>	<b>4.416.437.752</b>

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 6 năm 2016

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thanh Huyền

Trần Thị Thanh Huyền

Mẫn Ngọc Anh

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/3/2016

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

#### **02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

#### **03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 bao gồm:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Sản xuất các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp đến 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sản xuất các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sản xuất bán thành phẩm máy biến áp: Xê băng, cát chéo lõi tôn silic, vỏ tải nhiệt máy biến áp phân phối dạng cánh sóng và vỏ máy biến áp truyền tải đến 220KV;
- Sản xuất tủ điện, bảng điện trung, hạ thế có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại trạm biến áp trọn bộ kiểu kiot có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại dây đồng trần trần và tráng sơn cách điện kỹ thuật điện đường kính từ 0,1 đến 8 và 12,5 (mm);
- Sản xuất các loại dây nhôm kỹ thuật điện đường kính từ 1 đến 9,5 mm;
- Dây và cáp nhôm trần, đồng trần, dây nhôm trần lõi thép có tiết diện đến 1200mm<sup>2</sup>, điện áp đến 500KV;
- Sản xuất cáp điện ngầm trung, hạ thế lõi đồng/nhôm điện áp đến 35KV, cáp ngầm siêu cao áp đến 220KV bọc PVC/XLPE (gồm cả vận xoắn, bọc thép, chống thấm);
- Sản xuất dây điện dân dụng, cáp điều khiển, cáp thông tin;
- Sản xuất các loại cáp điện chống cháy nổ, chống nhiễm mặn, chống thấm, các thiết bị điện phục vụ cho ngành đóng tàu và khai thác khoáng sản;
- Sản xuất dây đồng dẹt dạng trần và tráng sơn cách điện, bọc giấy, đồng thanh cái, đồng ống, đầu cốt (các sản phẩm bằng đồng);
- Đúc các linh kiện đồng, nhôm dùng cho nhà máy biến áp, dây cáp điện, công tắc cầu dao, cầu chì, máy ngắt, tủ bảng điện;
- Sản xuất các cầu dao, máy cắt, cầu chì;
- Sản xuất các phụ tùng, phụ kiện đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 500KV;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, phụ kiện phục vụ cho sản xuất thiết bị điện và các ngành công nghiệp, điện lực, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

- Xây lắp các đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 330KV;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp tới 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV; công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sửa chữa, bảo hành máy móc thiết bị, linh kiện trong các lĩnh vực điện, công nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Kinh doanh, đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh bao bì, đồ hộp cho ngành ăn uống, bia rượu;
- Kinh doanh các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, sắc đẹp, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, bấm huyệt, vật lý trị liệu;
- Cho thuê bãi đỗ xe.

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**05. Cấu trúc doanh nghiệp**

- Danh sách Công ty con gồm:

<i>Tên Công ty con</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>
- Công ty Cổ phần sản xuất dây điện từ Hanaka	Khu Công nghiệp Hanaka, Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
- Công ty Cổ phần Rexam A.B.M	Lô 15, khu Công nghiệp Tam Phước, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka - Korea	Khu Công nghiệp Hanaka, Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết gồm:

<i>Tên Công ty liên doanh, liên kết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>
- Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Hanaka	Khu Công nghiệp Hanaka, Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

**06. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Một số số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 không so sánh được với số liệu tương ứng của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 do áp dụng Thông tư này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Các quy định có thay đổi ảnh hưởng đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính của Công ty là tỷ giá áp dụng để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ.



## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm này và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm sau.

### **02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.



**02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

**03. Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết*

*Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

*Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.



**04. Các khoản nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

**05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	07 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 – 05 năm
- Quyền sử dụng đất	45 năm

**07. Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư**

*Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

*Khấu hao*

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà	50 năm
- Đối với quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao	



**08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Đơn vị tính: VND*

**01. Tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	322.640.721	387.789.178
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39.444.075.449	4.028.648.574
<b>Cộng</b>	<b>39.766.716.170</b>	<b>4.416.437.752</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**02. Các khoản đầu tư tài chính**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty con	802.120.026.266	802.120.026.266	-	765.544.773.644	765.544.773.644	-
+ Công ty Cổ phần sản xuất dây điện từ Hanaka	163.994.459.241	163.994.459.241	-	163.994.459.241	163.994.459.241	-
+ Công ty Cổ phần Rexam A.B.M	186.631.550.524	186.631.550.524	-	186.631.550.524	186.631.550.524	-
+ Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka Korea (!)	451.494.016.501	451.494.016.501	-	414.918.763.879	414.918.763.879	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	400.000.000	400.000.000	-	400.000.000	400.000.000	-
+ Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Hanaka	400.000.000	400.000.000	-	400.000.000	400.000.000	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	44.664.576.103	44.664.576.103	-	41.759.820.103	41.759.820.103	-
+ Công ty Cổ phần Thiết bị điện	12.536.853.500	12.536.853.500	-	9.632.097.500	9.632.097.500	-
+ Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam	448.802.603	448.802.603	-	448.802.603	448.802.603	-
+ Công ty Cổ phần Rexam Hanacans	31.678.920.000	31.678.920.000	-	31.678.920.000	31.678.920.000	-
<b>Cộng</b>	<b>847.184.602.369</b>	<b>847.184.602.369</b>	<b>-</b>	<b>807.704.593.747</b>	<b>807.704.593.747</b>	<b>-</b>

(!): Trong năm, Công ty có góp bổ sung vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka Korea bằng tài sản với số tiền là 36.575.252.622 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**03. Phải thu của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>800.377.638.364</b>	<b>454.947.813.442</b>
- Công ty CP cấp điện và hệ thống LS Vina	20.466.045.578	18.712.126.400
- Tổng Công ty điện lực thành phố Hà Nội	23.597.898.302	3.058.864.599
- Công ty Điện lực Nghệ An	23.558.766.737	166.991.244
- Tổng Công ty Bia rượu và nước giải khát Sài Gòn	89.039.289.758	34.013.479.472
- Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình	-	33.354.402.078
- Công ty Cổ phần Sông Đà 11	26.312.890.443	-
- Công ty điện lực Bắc Từ Liêm	13.021.903.620	-
- Công ty điện lực Quảng Ninh	8.411.147.800	-
- Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka - Korea	372.133.100.463	-
- Công ty Cổ phần sản xuất dây điện từ Hanaka	107.864.791.246	162.039.766.230
- Công ty TNHH Hồng Ngọc	-	124.377.464.071
- Công ty CP Tư vấn thiết kế và XD Công nghiệp Hanaka	578.134.892	18.730.071.380
- Công ty Cổ phần Rexam A.B.M	3.619.407.033	4.620.932.043
- Công ty Cổ phần bao bì Hanaka A.B.M	6.777.793.136	6.777.793.136
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	104.996.469.356	49.095.922.789
<b>Cộng</b>	<b>800.377.638.364</b>	<b>454.947.813.442</b>

**b. Các bên liên quan**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>483.855.941.542</b>	<b>291.276.805.144</b>
- Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka - Korea	372.133.100.463	-
- Công ty TNHH Hồng Ngọc	-	124.377.464.071
- Công ty Cổ phần sản xuất dây điện từ Hanaka	107.864.791.246	162.039.766.230
- Công ty Cổ phần Rexam hanancans	238.642.800	238.642.800
- Công ty Cổ phần Rexam A.B.M	3.619.407.033	4.620.932.043
<b>Cộng</b>	<b>483.855.941.542</b>	<b>291.276.805.144</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**04. Phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>119.405.844.113</b>	-	<b>207.719.112.894</b>	-
- Tạm ứng	812.840.231	-	677.604.560	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	101.214.900	-	101.214.900	-
- Phải thu khác	118.491.788.982	-	206.940.293.434	-
+ Ông <i>Mẫn Ngọc Anh</i>	103.020.333.208	-	191.418.376.341	-
+ Bà <i>Mẫn Thị Mai</i>	362.375.000	-	362.375.000	-
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi	601.263.781	-	601.263.781	-
+ Ông <i>Vũ Hoài Nam</i>	12.685.000.000	-	12.685.000.000	-
+ Các khoản phải thu khác	1.822.816.993	-	1.873.278.312	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>60.060.000.000</b>	-	<b>60.060.000.000</b>	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	60.000.000	-	60.000.000	-
- Phải thu khác	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
+ Công ty TNHH <i>Hồng Ngọc</i>	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>179.465.844.113</b>	-	<b>267.779.112.894</b>	-

**05. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	-	-	60.493.565.738	-
- Nguyên liệu, vật liệu	166.744.423.745	-	90.840.881.266	-
- Công cụ, dụng cụ	1.683.642.687	-	1.036.276.219	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	149.377.484.254	-	94.440.530.110	-
- Thành phẩm	76.687.420.540	-	53.526.640.429	-
- Hàng hóa	9.106.181.129	-	147.491.965	-
<b>Cộng</b>	<b>403.599.152.355</b>	-	<b>300.485.385.727</b>	-

**06. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Mua sắm tài sản cố định	16.358.299.687	10.614.008.578
- XDCB	282.132.944.860	297.760.341.987
+ Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ Hanaka	176.301.428.977	193.487.308.982
+ Nhà xưởng tập đoàn Hanaka	4.393.525.538	4.346.164.580
+ Xưởng máy biến áp truyền tải	94.638.040.505	96.176.247.942
+ Xưởng Hatachi	3.560.139.761	3.560.139.761
+ Chi phí xây dựng khác	3.239.810.079	190.480.722
<b>Cộng</b>	<b>298.491.244.547</b>	<b>308.374.350.565</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**04. Phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>119.405.844.113</b>	-	<b>207.719.112.894</b>	-
- Tạm ứng	812.840.231	-	677.604.560	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	101.214.900	-	101.214.900	-
- Phải thu khác	118.491.788.982	-	206.940.293.434	-
+ Ông <i>Mẫn Ngọc Anh</i>	103.020.333.208	-	191.418.376.341	-
+ Bà <i>Mẫn Thị Mai</i>	362.375.000	-	362.375.000	-
+ <i>Quý khen thưởng phúc lợi</i>	601.263.781	-	601.263.781	-
+ Ông <i>Vũ Hoài Nam</i>	12.685.000.000	-	12.685.000.000	-
+ Các khoản phải thu khác	1.822.816.993	-	1.873.278.312	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>60.060.000.000</b>	-	<b>60.060.000.000</b>	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	60.000.000	-	60.000.000	-
- Phải thu khác	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
+ Công ty TNHH <i>Hồng Ngọc</i>	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>179.465.844.113</b>	-	<b>267.779.112.894</b>	-

**05. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	-	-	60.493.565.738	-
- Nguyên liệu, vật liệu	166.744.423.745	-	90.840.881.266	-
- Công cụ, dụng cụ	1.683.642.687	-	1.036.276.219	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	149.377.484.254	-	94.440.530.110	-
- Thành phẩm	76.687.420.540	-	53.526.640.429	-
- Hàng hóa	9.106.181.129	-	147.491.965	-
<b>Cộng</b>	<b>403.599.152.355</b>	-	<b>300.485.385.727</b>	-

**06. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Mua sắm tài sản cố định	16.358.299.687	10.614.008.578
- XDCB	282.132.944.860	297.760.341.987
+ Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ Hanaka	176.301.428.977	193.487.308.982
+ Nhà xưởng tập đoàn Hanaka	4.393.525.538	4.346.164.580
+ Xưởng máy biến áp truyền tải	94.638.040.505	96.176.247.942
+ Xưởng Hatachi	3.560.139.761	3.560.139.761
+ Chi phí xây dựng khác	3.239.810.079	190.480.722
<b>Cộng</b>	<b>298.491.244.547</b>	<b>308.374.350.565</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<i>Số dư đầu năm</i>	33.288.180.452	70.407.593.752	7.547.566.516	1.109.300.397	112.352.641.117
- Mua trong năm	-	1.168.863.295	4.221.523.182	943.708.182	6.334.094.659
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Phân loại lại khoản mục	(6.066.419.385)	5.146.974.241	1.156.622.277	(237.177.133)	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	27.221.761.067	76.723.431.288	12.925.711.975	1.815.831.446	118.686.735.776
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<i>Số dư đầu năm</i>	9.736.616.202	45.355.940.334	4.415.452.965	1.073.291.102	60.581.300.603
- Khấu hao trong năm	1.024.125.863	5.377.361.687	580.388.457	136.103.875	7.117.979.882
- Phân loại lại khoản mục	324.819.409	(61.281.431)	(12.100.244)	(251.437.734)	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	11.085.561.474	50.672.020.590	4.983.741.178	957.957.243	67.699.280.485
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	23.551.564.250	25.051.653.418	3.132.113.551	36.009.295	51.771.340.514
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	16.136.199.593	26.051.410.698	7.941.970.797	857.874.203	50.987.455.291

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 33.028.110.326 đồng.



Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>1.309.097.613</i>	<i>154.239.930</i>	<i>1.463.337.543</i>
- Mua trong năm	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>1.309.097.613</i>	<i>154.239.930</i>	<i>1.463.337.543</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>236.849.711</i>	<i>154.239.930</i>	<i>391.089.641</i>
- Khấu hao trong năm	29.091.060	-	29.091.060
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>265.940.771</i>	<i>154.239.930</i>	<i>420.180.701</i>
<b>III. Giá trị còn lại TSCĐ vô hình</b>			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>1.072.247.902</i>	-	<i>1.072.247.902</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>1.043.156.842</i>	-	<i>1.043.156.842</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**09. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>I. Nguyên giá bất động sản đầu tư</b>	<b>26.171.565.545</b>	-	-	<b>26.171.565.545</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	26.171.565.545	-	-	26.171.565.545
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>722.908.756</b>	<b>97.431.324</b>	-	<b>820.340.080</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	722.908.756	97.431.324	-	820.340.080
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư</b>	<b>25.448.656.789</b>	-	<b>97.431.324</b>	<b>25.351.225.465</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	25.448.656.789	-	97.431.324	25.351.225.465
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

**10. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>681.321.168</b>	<b>621.454.862</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	681.321.168	621.454.862
<b>b. Dài hạn</b>	<b>5.069.319.110</b>	<b>7.710.499.607</b>
- Giá trị lợi thế kinh doanh	2.406.781.059	5.157.387.984
- Chi phí thuê đất	447.369.188	-
- Chi phí sửa chữa tài sản	963.912.448	-
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.251.256.415	-
- Chi phí khác	-	2.553.111.623
<b>Cộng</b>	<b>5.750.640.278</b>	<b>8.331.954.469</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

**11. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>385.650.309.671</b>	<b>385.650.309.671</b>	<b>1.494.230.660.847</b>	<b>913.637.527.909</b>	<b>966.243.442.609</b>	<b>966.243.442.609</b>
- Vay ngân hàng	316.360.999.671	316.360.999.671	1.375.712.180.084	850.373.817.909	841.699.361.846	841.699.361.846
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Bắc Ninh	29.397.880.376	29.397.880.376	-	29.397.880.376	-	-
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch I (!)	286.963.119.295	286.963.119.295	1.375.712.180.084	820.975.937.533	841.699.361.846	841.699.361.846
- Vay dài hạn đến hạn trả	69.289.310.000	69.289.310.000	118.518.480.763	63.263.710.000	124.544.080.763	124.544.080.763
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - PGD 6 (!!)	39.933.110.000	39.933.110.000	72.162.830.763	39.933.110.000	72.162.830.763	72.162.830.763
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Bắc Ninh (!!!)	21.609.000.000	21.609.000.000	43.228.000.000	21.609.000.000	43.228.000.000	43.228.000.000
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I (!!!!)	7.747.200.000	7.747.200.000	3.127.650.000	1.721.600.000	9.153.250.000	9.153.250.000
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>304.657.618.361</b>	<b>304.657.618.361</b>	<b>12.872.700.000</b>	<b>124.731.080.763</b>	<b>192.799.237.598</b>	<b>192.799.237.598</b>
Vay dài hạn	304.657.618.361	304.657.618.361	12.872.700.000	124.731.080.763	192.799.237.598	192.799.237.598
Từ 1 năm đến 5 năm	304.657.618.361	304.657.618.361	12.872.700.000	124.731.080.763	192.799.237.598	192.799.237.598
- Vay ngân hàng	304.657.618.361	304.657.618.361	12.872.700.000	124.731.080.763	192.799.237.598	192.799.237.598
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Bắc Ninh (!!!)	86.430.452.598	86.430.452.598	-	43.228.000.000	43.202.452.598	43.202.452.598
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - PGD 6 (!!)	159.262.365.763	159.262.365.763	10.480.000.000	72.162.830.763	97.579.535.000	97.579.535.000
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I (!!!!)	58.964.800.000	58.964.800.000	2.392.700.000	9.340.250.000	52.017.250.000	52.017.250.000
<b>Cộng</b>	<b>690.307.928.032</b>	<b>690.307.928.032</b>	<b>1.507.103.360.847</b>	<b>1.038.368.608.672</b>	<b>1.159.042.680.207</b>	<b>1.159.042.680.207</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

(I): Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/17540/HĐTĐHM ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 với hạn mức tín dụng là 1.550.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay đến 30/9/2016, lãi suất vay trong kỳ từ 7%/ năm đến 8%/năm.

(!!): Là các khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - PGD 6 theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01-2009/HANAKA-SGD/HĐTĐDDH ngày 31/7/2009, với hạn mức tín dụng là tổng số tiền gốc bằng VND tối đa tương ứng 7.609.805 USD để thanh toán tiền mua cổ phần của Công ty Cổ phần Hanaka iljin, thời hạn vay là 09 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay và một số tài sản của bên thứ ba. Số dư vay tại ngày 31/3/2016 là 63.500.000.000 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 01/175407/2013/HĐTĐDDH ngày 29/10/2013 với số tiền gốc vay là 67.589.535.000 đồng để đầu tư máy móc, thiết bị thuộc dự án đầu tư mở rộng nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị sản xuất dây và cáp điện. Thời hạn vay là 07 năm và khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư vay tại ngày 31/3/2016 là 56.089.535.000 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 04/175407/2014/HĐTĐ ngày 30/6/2014 với số tiền gốc vay là 59.792.550.763 đồng, khoản vay để thanh toán tiền đầu tư dự án máy móc thiết bị sản xuất dây điện từ của Công ty Cổ phần sản xuất dây điện từ Hanaka, khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư vay tại ngày 31/3/2016 là 39.672.830.763 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2016/175407/HĐTĐ ngày 15 tháng 3 năm 2016 để thanh toán tiền đầu tư dự án máy móc thiết bị sản xuất dây điện từ của Công ty Cổ phần sản xuất dây điện từ Hanaka, khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư vay tại ngày 31/3/2016 là 10.480.000.000 đồng.

(!!!): Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 2600-LAV-201000305 ngày 19/5/2010 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Bắc Ninh, hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương để bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu Công nghiệp Hanaka. Thời hạn vay là 5 năm, lãi suất cho vay VND là 15,3% và USD, EUR là 7,5%, điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản hình thành trong tương lai tại khu công nghiệp Hanaka.

(!!!!): Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 03.175407/2013/HĐTĐDDH ngày 29/11/2013 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch I, với số tiền là 3.500.000 USD để đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất. Thời hạn vay đến ngày 10/10/2021, lãi suất vay là 8,5% và điều chỉnh 3 tháng 01 lần, khoản vay này được đảm bảo là các tài sản hình thành từ vốn vay của dự án đứng tên Công ty Cổ phần cáp điện Hanaka Korea.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**12. Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>403.034.845.540</b>	<b>403.034.845.540</b>	<b>233.571.214.649</b>	<b>233.571.214.649</b>
- Công ty Cổ phần Hanacans	102.202.325.920	102.202.325.920	-	-
- Sumitomo Corporation (Singapore) PTE.LTD	15.863.492.816	15.863.492.816	23.001.748.208	23.001.748.208
- Sumitomo Corporation Tokyo Office	16.070.514.621	16.070.514.621	-	-
- Baosteel Singapore PTE LTD	10.346.742.268	10.346.742.268	-	-
- Glencore International AG	173.283.596.316	173.283.596.316	20.287.584.247	20.287.584.247
- San Jiang electric MFG Co.,LTD	11.113.621.645	11.113.621.645	-	-
- Marubeni Asean PTE. LTD	16.665.013.520	16.665.013.520	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	57.489.538.434	57.489.538.434	190.281.882.194	190.281.882.194
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>34.312.309.161</b>	<b>34.312.309.161</b>	<b>34.312.309.161</b>	<b>34.312.309.161</b>
- Công ty TNHH Hồng Ngọc	13.797.535.000	13.797.535.000	13.797.535.000	13.797.535.000
- Công ty Cổ phần Bao bì Hanaka A.B.M	20.514.774.161	20.514.774.161	20.514.774.161	20.514.774.161
<b>Cộng</b>	<b>437.347.154.701</b>	<b>437.347.154.701</b>	<b>267.883.523.810</b>	<b>267.883.523.810</b>

**c. Công nợ với các bên liên quan**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>818.918.355</b>	<b>818.918.355</b>
- Công ty Cổ phần cáp điện Hanaka - Korea	-	-	818.918.355	818.918.355
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>34.312.309.161</b>	<b>34.312.309.161</b>	<b>34.312.309.161</b>	<b>34.312.309.161</b>
- Công ty TNHH Hồng Ngọc	13.797.535.000	13.797.535.000	13.797.535.000	13.797.535.000
- Công ty Cổ phần Bao bì Hanaka A.B.M	20.514.774.161	20.514.774.161	20.514.774.161	20.514.774.161
<b>Cộng</b>	<b>34.312.309.161</b>	<b>34.312.309.161</b>	<b>35.131.227.516</b>	<b>35.131.227.516</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

*Đơn vị tính: VND*

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>Số phải thu đầu năm</b>	<b>Số phải nộp đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã thực nộp trong năm</b>	<b>Số phải thu cuối năm</b>	<b>Số phải nộp cuối năm</b>
- Thuế GTGT đầu ra	-	5.038.792.372	116.184.229	5.149.913.380	-	5.063.221
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	115.571.816.818	115.605.213.490	33.396.672	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	3.166.923	38.353.848	39.110.463	-	2.410.308
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	4.350.994.205	4.495.359.269	144.365.064	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.247.497.937	214.031.752	1.461.529.689	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	192.468.542	192.468.542	-	-
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	272.297.000	272.297.000	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	210.060.213	210.060.213	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>6.289.457.232</b>	<b>120.966.206.607</b>	<b>127.425.952.046</b>	<b>177.761.736</b>	<b>7.473.529</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

*Đơn vị tính: VND*

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	-	5.038.792.372	116.184.229	5.149.913.380	-	5.063.221
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	115.571.816.818	115.605.213.490	33.396.672	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	3.166.923	38.353.848	39.110.463	-	2.410.308
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	4.350.994.205	4.495.359.269	144.365.064	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.247.497.937	214.031.752	1.461.529.689	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	192.468.542	192.468.542	-	-
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	272.297.000	272.297.000	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	210.060.213	210.060.213	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>6.289.457.232</b>	<b>120.966.206.607</b>	<b>127.425.952.046</b>	<b>177.761.736</b>	<b>7.473.529</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**14. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngắn hạn</i>	<b>3.256.241.960</b>	<b>1.327.224.423</b>
- Chi phí lãi vay	1.248.626.052	1.053.933.416
- Chi phí trích trước cước vận chuyển	-	27.923.350
- Các khoản trích trước khác	2.007.615.908	245.367.657
<b>Cộng</b>	<b>3.256.241.960</b>	<b>1.327.224.423</b>

**15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	<b>21.656.843.151</b>	<b>60.882.853.237</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	1.920.464.489	1.501.082.035
- Bảo hiểm xã hội	122.336.500	254.153.293
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	596.407.504	139.710.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.017.634.658	58.987.907.909
+ <i>Phải trả về cổ tức</i>	<i>17.626.920.250</i>	<i>57.027.704.000</i>
+ <i>Công ty TNHH SEIYO Việt Nam</i>	<i>378.266.667</i>	<i>378.266.667</i>
+ <i>Các đối tượng khác</i>	<i>1.012.447.741</i>	<i>1.581.937.242</i>
<i>b. Dài hạn</i>	<b>6.040.000.000</b>	<b>6.040.000.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.040.000.000	6.040.000.000
<b>Cộng</b>	<b>27.696.843.151</b>	<b>66.922.853.237</b>

**16. Doanh thu chưa thực hiện**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Dài hạn</i>	-	<b>513.780.001</b>
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	513.780.001
<b>Cộng</b>	-	<b>513.780.001</b>



**17. Vốn chủ sở hữu**

*a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	766.111.437.372	136.107.750.000	161.321.819.742	1.063.541.007.114
Tăng vốn trong năm trước	197.780.812.628	-	-	197.780.812.628
Tăng vốn bằng cổ phiếu thưởng	136.107.750.000	(136.107.750.000)	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	45.248.131.012	45.248.131.012
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Trả cổ tức năm 2014	-	-	(56.966.035.000)	(56.966.035.000)
Giảm khác	-	-	(40.565.875)	(40.565.875)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>1.100.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>149.563.349.879</b>	<b>1.249.563.349.879</b>
Số dư đầu năm nay	1.100.000.000.000	-	149.563.349.879	1.249.563.349.879
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	45.075.809.970	45.075.809.970
Tăng khác	-	-	51.017.179	51.017.179
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>1.100.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>194.690.177.028</b>	<b>1.294.690.177.028</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
- Vốn góp của các đối tượng khác	1.100.000.000.000	100	1.100.000.000.000	100
+ Công ty TNHH Hồng Ngọc	744.858.570.000	67,71	744.858.570.000	67,71
+ Ông Mẫn Ngọc Anh	252.332.280.000	22,94	252.332.280.000	22,94
+ Ông Đặng Đình Tinh	38.448.420.000	3,50	38.448.420.000	3,50
+ Các đối tượng khác	64.360.730.000	5,85	64.360.730.000	5,85
<b>Cộng</b>	<b>1.100.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>1.100.000.000.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.100.000.000.000	766.111.437.372
+ Vốn góp tăng trong năm	-	333.888.562.628
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	56.966.035.000
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước	-	56.966.035.000
+ Cổ tức tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	110.000.000	110.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	110.000.000	110.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	110.000.000	110.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.000.000	110.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	110.000.000	110.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	2.851.177.095.832	1.662.322.878.560
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.285.127.463	15.541.512.110
<b>Cộng</b>	<b>2.868.462.223.295</b>	<b>1.677.864.390.670</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**02. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng đã bán	2.744.958.649.169	1.568.703.268.306
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	517.950.183	3.675.775.784
<b>Cộng</b>	<b>2.745.476.599.352</b>	<b>1.572.379.044.090</b>

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	163.373.248	281.768.189
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	6.628.149.931
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	51.116.958.140	43.513.599.233
- Lãi chênh lệch tỷ giá	2.607.345.880	1.604.261.486
<b>Cộng</b>	<b>53.887.677.268</b>	<b>52.027.778.839</b>

**04. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	64.103.771.474	58.041.127.471
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	13.059.802.010	4.060.328.963
<b>Cộng</b>	<b>77.163.573.484</b>	<b>62.101.456.434</b>

**05. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản khác	279.593.856	716.118.320
<b>Cộng</b>	<b>279.593.856</b>	<b>716.118.320</b>

**06. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thanh lý Bất động sản đầu tư	-	3.637.599.000
- Các khoản khác	969.582.527	479.834.419
<b>Cộng</b>	<b>969.582.527</b>	<b>4.117.433.419</b>

**07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>43.037.846.857</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	8.776.428.760
- Chi phí vật liệu quản lý	1.235.231.521
- Chi phí đồ dùng văn phòng	337.906.397
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.102.588.944
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.475.401.277
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	14.110.289.958
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</b>	<b>10.692.050.477</b>
- Chi phí nhân viên	625.173.914
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.112.641.747
- Các khoản chi phí bán hàng khác	2.954.234.816
<b>Cộng</b>	<b>53.729.897.334</b>

Đơn vị tính: VND

**08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	-	1.247.497.937
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	214.031.752	-
<b>- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>214.031.752</b>	<b>1.247.497.937</b>

(\*): Chi tiết tính thuế TNDN năm hiện hành như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45.289.841.722	46.495.628.949
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	51.116.958.140	48.024.522.283
+ Lỗ các năm trước kết chuyển vào năm nay	-	4.510.923.050
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	51.116.958.140	43.513.599.233
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-	7.199.338.502
+ Các chi phí không được trừ	-	7.199.338.502
<b>- Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(5.827.116.418)</b>	<b>5.670.445.168</b>
- Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>1.247.497.937</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Đầu tư góp vốn vào Công ty con bằng giá trị xây dựng cơ bản dở dang: 36.575.252.622 đồng.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

**02. Giao dịch với các bên liên quan**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ban điều hành</i>		
+ Phải thu ngắn hạn khác	103.020.333.208	191.418.376.341
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>103.020.333.208</b>	<b>191.418.376.341</b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay
Tiền lương	1.920.000.000
Cộng	



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
- Công ty TNHH Hồng Ngọc	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần sản xuất dây điện từ Hanaka	Công ty con
- Công ty Cổ phần Rexam A.B.M	Công ty con
- Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka - Korea	Công ty con
- Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Hanaka	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Công ty nắm giữ 4.03% vốn điều lệ
- Công ty Cổ phần Rexam Hanacans	Công ty nắm giữ 8.25% vốn điều lệ

Ngoài các nghiệp vụ đã thuyết minh tại mục VI.01, còn một số các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

*Đơn vị tính: VND*

**Năm nay**

<b>Công ty Cổ phần Rexam Hanacans</b>	
Doanh thu dịch vụ xúc tiến và hỗ trợ bán hàng	15.404.322.884
Doanh thu cho thuê kho	974.340.000
Doanh thu cho thuê xe	140.000.000
Mua vỏ lon	567.989.970.908
Chi phí sửa xe	29.854.000
<b>Công ty Cổ phần Rexam A.B.M</b>	
Bán hàng	44.920.739.751
Mua hàng	59.264.483.520
<b>Công ty Cổ phần sản xuất dây điện từ Hanaka</b>	
Bán hàng	44.322.927.484
Mua hàng	92.533.355.765
Chi phí gia công	8.126.366.160
<b>Công ty TNHH Hồng Ngọc</b>	
Chi phí dịch vụ	325.630.140
Bán hàng	2.932.802
<b>Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka Korea</b>	
Bán hàng	969.998.387.360
Mua hàng	773.271.631.705
Chi phí gia công	218.821.900
Nhận cổ tức	50.000.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài số dư các khoản công nợ đã thuyết minh tại mục V.03 và V.12, còn một số các khoản công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Công ty TNHH Hồng Ngọc</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>
+ Các khoản phải thu dài hạn khác	60.000.000.000	60.000.000.000
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**03. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót**

**Điều chỉnh hồi tố**

Trình bày lại khoản mục trên Bảng cân đối kế toán như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<i>Bảng cân đối kế toán</i>				
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>454.947.813.442</b>	<b>454.947.813.442</b>	-
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	138.210.098.582	454.947.813.442	316.737.714.860
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	316.737.714.860	-	(316.737.714.860)
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>233.571.214.649</b>	<b>233.571.214.649</b>	-
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	232.752.296.294	233.571.214.649	818.918.355
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	818.918.355	-	(818.918.355)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>34.312.309.161</b>	<b>34.312.309.161</b>	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331	-	34.312.309.161	34.312.309.161
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	34.312.309.161	-	(34.312.309.161)

**04. Thông tin bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản xuất: Máy biến áp.
- Kinh doanh thương mại: Nguyên vật liệu sản xuất dây cáp, vỏ lon, và thành phẩm vỏ lon, dây cáp,...
- Dịch vụ: Đại lý bảo hiểm, cho thuê kho bãi, nhà hàng, ....

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Sản xuất</u>	<u>Thương mại</u>	<u>Dịch vụ</u>	<u>Cộng</u>
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	337.600.668.508	2.513.576.427.323	17.285.127.464	2.868.462.223.295
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Chi phí phân bổ	293.384.585.326	2.528.502.110.825	595.696.751	2.822.482.392.902
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>44.216.083.182</b>	<b>(14.925.683.502)</b>	<b>16.689.430.713</b>	<b>45.979.830.393</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	27.972.078.649	826.952.721	5.686.711	28.804.718.081
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.500.705.287	738.717.038	5.079.941	7.244.502.266
<b>Cuối năm nay</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	873.440.588.921	1.158.714.905.515	7.905.521.837	2.040.061.016.273
Tài sản không phân bổ				886.951.318.539
<b>Tổng tài sản</b>	<b>873.440.588.921</b>	<b>1.158.714.905.515</b>	<b>7.905.521.837</b>	<b>2.927.012.334.812</b>
Nợ phải trả bộ phận	1.217.617.816.476	411.872.018.305	2.832.323.003	1.632.322.157.784
Nợ phải trả không phân bổ				-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.217.617.816.476</b>	<b>411.872.018.305</b>	<b>2.832.323.003</b>	<b>1.632.322.157.784</b>

***Khu vực địa lý***

Công ty có các khu vực kinh doanh địa lý như sau:

- Trong lãnh thổ Việt Nam
- Ngoài lãnh thổ Việt Nam

	<u>Trong lãnh thổ Việt Nam</u>	<u>Ngoài lãnh thổ Việt Nam</u>	<u>Cộng</u>
<b>Năm nay</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.820.299.715.047	48.162.508.248	2.868.462.223.295
Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận	2.927.012.334.812	-	2.927.012.334.812
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	28.804.718.081	-	28.804.718.081

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.766.716.170	-	4.416.437.752	-	39.766.716.170	4.416.437.752
Phải thu khách hàng và phải thu khác	978.869.427.346	-	721.888.106.876	-	978.869.427.346	721.888.106.876
Phải thu về cho vay	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	44.664.576.103	-	41.759.820.103	-	44.664.576.103	41.759.820.103
<b>Cộng</b>	<b>1.063.300.719.619</b>	<b>-</b>	<b>768.064.364.731</b>	<b>-</b>	<b>1.063.300.719.619</b>	<b>768.064.364.731</b>

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	437.347.154.701	233.571.214.649	437.347.154.701	233.571.214.649
Vay và nợ	1.159.042.680.207	690.307.928.032	1.159.042.680.207	690.307.928.032
Chi phí phải trả	3.256.241.960	1.327.224.423	3.256.241.960	1.327.224.423
Các khoản phải trả khác	12.977.634.658	52.947.907.909	12.977.634.658	52.947.907.909
<b>Cộng</b>	<b>1.612.623.711.526</b>	<b>978.154.275.013</b>	<b>1.612.623.711.526</b>	<b>978.154.275.013</b>



**06. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

***Phải thu khách hàng***

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**07. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	403.034.845.540	34.312.309.161	-	437.347.154.701
Vay và nợ	966.243.442.609	192.799.237.598	-	1.159.042.680.207
Chi phí phải trả	3.256.241.960	-	-	3.256.241.960
Các khoản phải trả khác	12.977.634.658	-	-	12.977.634.658
<b>Cộng</b>	<b>1.385.512.164.767</b>	<b>227.111.546.759</b>	-	<b>1.612.623.711.526</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	233.571.214.649	-	-	233.571.214.649
Vay và nợ	385.650.309.671	304.657.618.361	-	690.307.928.032
Chi phí phải trả	1.327.224.423	-	-	1.327.224.423
Các khoản phải trả khác	52.947.907.909	-	-	52.947.907.909
<b>Cộng</b>	<b>673.496.656.652</b>	<b>304.657.618.361</b>	-	<b>978.154.275.013</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

**08. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**09. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO. Trong đó, một số nội dung được trình bày lại cho phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

STT	Nội dung	Số dư tại 31/3/2015 (VND)	Chi tiêu đã trình bày trên BCTC tại ngày 31/3/2015		Chi tiêu trình bày trên BCTC tại ngày 01/4/2015	
			Tên chi tiêu	Mã số	Tên chi tiêu	Mã số
1	Tạm ứng	677.604.560	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn khác	136
2	Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	101.214.900	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn khác	136
3	Tài sản thiếu chờ xử lý	629.145.132	Tài sản ngắn hạn khác	158	Tài sản thiếu chờ xử lý	139
4	Ký cược, ký quỹ dài hạn	60.000.000	Tài sản dài hạn khác	268	Phải thu dài hạn khác	216
5	Hợp đồng hợp tác kinh doanh không thành lập pháp nhân	60.000.000.000	Đầu tư dài hạn khác	258	Phải thu dài hạn khác	216



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

**10. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



**Trần Thị Thanh Huyền**

Phụ trách kế toán



**Trần Thị Thanh Huyền**

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 6 năm 2016

Tổng Giám đốc



  
**Mẫn Ngọc Anh**